

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU AAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU AAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AAM IMPORT-EXPORT TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AAM IMPORT-EXPORT TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110376823

3. Ngày thành lập: 05/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

45 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0924426666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác	4632
4.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức hợp báo)	8230
6.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Các hoạt động đóng gói trên cơ sở phí hoặc hợp đồng, có hoặc không liên quan đến một quy trình tự động: - Đóng chai đựng dung dịch lỏng, gồm đồ uống và thực phẩm, - Đóng gói đồ rắn, - Đóng gói bảo quản dược liệu, - Dán tem, nhãn và đóng dấu, - Bọc quà.	8292
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005)	8299

8.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào (trừ loại bị cấm).	4690
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP; Nghị định 08/2018/NĐ-CP; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	4711
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	4722
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	4723
14.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm; Chế biến và bảo quản thịt; Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1010
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; Chế biến và bảo quản thủy sản khô; Chế biến và bảo quản nước mắm; Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1020

16.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Sản xuất nước ép từ rau quả; Chế biến và bảo quản rau quả khác. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1030
17.	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát; Sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1061
18.	Sản xuất các loại bánh từ bột (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP)	1071
19.	Sản xuất đường (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1072
20.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1073
21.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP)	1074
22.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1075
23.	Sản xuất chè (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1076

24.	Sản xuất cà phê (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT)	1077
25.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất súp và nước xuýt; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; Sản xuất dấm; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi; Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP; Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT; Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP)	1079(Chính)
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm chín lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 106/2017/NĐ-CP; Nghị định 08/2018/NĐ-CP; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)	4781
27.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
28.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng); Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác; Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác. (Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4933

30.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển; Vận tải hàng hóa viễn dương. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Nghị định 160/2016/NĐ-CP; Nghị định số 147/2018/NĐ-CP)	5012
31.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Điều 6 Nghị định số 110/2014/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 128/2018/NĐ-CP)	5022
32.	Vận tải hàng hóa hàng không Chi tiết: Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định; Vận tải hàng hóa hàng không loại khác. (Chỉ hoạt động khi đáp ứng điều kiện tại Điều 6, 7, 8, 9 Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019)	5120
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
34.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt; Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Bốc xếp hàng hóa cảng sông; Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không; Bốc xếp hàng hóa loại khác.	5224
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự. (Chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 49 Luật Du lịch 2017; Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Điều 5 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP)	5510
37.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
38.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

39.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp	5629
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; Dịch vụ phục vụ đồ uống khác	5630
41.	Đại lý du lịch Chi tiết: bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch...	7911
42.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. (chỉ hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định tại Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912
43.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: VŨ NGỌC NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/01/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092006270

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6 ngõ 45 Phố Đặng Trần Côn, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 ngõ 45 Phố Đặng Trần Côn, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ NGỌC NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/01/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092006270

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6 ngõ 45 Phố Đặng Trần Côn, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 ngõ 45 Phố Đặng Trần Côn, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội